

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Anh

2. Bà Đinh Thị Minh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2026/HNGĐ-ST ngày 11/5/2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sòng Thị T, sinh năm 1999, địa chỉ: Bản B, xã K, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A S, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản B, xã K, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/4/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sòng Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sòng Thị T và anh Giàng A S kết hôn với nhau ngày 13/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Sơn La). Khi kết hôn, anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn

nhau, cuộc sống chung thường xuyên bất hoà, không hạnh phúc, anh S không yêu thương chăm sóc vợ con, gia đình và còn đánh đập chị T. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành; mâu thuẫn vợ chồng đã được cơ sở bản hoà giải nhưng không thành và chưa được chính quyền địa phương hoà giải lần nào. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2026 đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022. Hiện nay 03 cháu đang sống cùng với bố tại Bản B, xã K, tỉnh Sơn La. Ly hôn, chị T yêu cầu anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Giàng A Q; Giàng A T và cháu Giàng Thị L đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Anh Giàng A S chưa yêu cầu chị Sòng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Sòng Thị T xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2026, bị đơn anh Giàng A S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S nhất trí với nội dung trình bày của chị T về việc kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh S cho rằng anh chị không có mâu thuẫn lớn, chủ yếu là do bố mẹ chị T không cho chị T quay lại chung sống với anh S, chị T có nhận tin ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải và được cơ sở bản hoà giải nhưng không thành. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh S, anh S không nhất trí yêu cầu ly hôn của chị T mà mong muốn đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022. Hiện nay 03 cháu đang sống cùng với bố tại Bản B, xã K, tỉnh Sơn La. Nếu phải ly hôn Anh S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu Giàng A Q; Giàng A T và cháu Giàng Thị L cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2026 Toà án triệu tập các bên đương sự tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ các đương sự đã biết tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp, không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ hay triệu tập thêm người tham gia tố tụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa ngày 26/8/2026 anh S giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ là Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải bản B, xã K ngày 27/3/2026 (bản gốc).

Tại buổi hòa giải ngày 05/6/2026 chị T và anh S đã thống nhất được các nội dung sau:

- Về con chung: Giao các cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022 cho anh Giàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận phân chia, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung chưa thống nhất được: Chị Sông Thị T yêu cầu ly hôn với anh Giàng A S; anh S không nhất trí ly hôn với chị T, nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh lập ngày 17/7/2026 với chính quyền địa phương Bản B, xã K, tỉnh Sơn La xác định:

Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của chị Sông Thị T trình bày. Chị Sông Thị T và anh Giàng A S kết hôn tự nguyện và chung sống với nhau tại gia đình bên chồng một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp và đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, chính quyền bản hòa giải một lần nhưng không thành. Hiện nay anh S, chị T đã sống ly thân nhau, chị T về ở bên nhà bố mẹ đẻ.

Về con Chung: Anh chị có 03 con là cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022. Hiện nay 03 cháu đang sống cùng với bố tại Bản B, xã K, tỉnh Sơn La

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sòng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sòng Thị T được ly hôn anh Giàng A S.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về con chung và tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung.

Giao các cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022 cho anh Giàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Sòng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Sòng Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là “ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Giàng A S cư trú tại Bản B, xã K, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sòng Thị T và anh Giàng A S đăng ký kết hôn ngày 13/8/2018. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Sơn La). Do đó quan hệ hôn nhân của chị Sòng Thị T và anh Giàng A S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã vì cho rằng người kia có quan hệ ngoại tình với người khác ở bên ngoài. Hai anh, chị sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ

với nhau trong cuộc sống. Lời khai của chị Sòng Thị T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị Sòng Thị T xác định không còn tình cảm với anh Giàng A S và yêu cầu ly hôn. Anh S cho rằng anh chị không có mâu thuẫn lớn, chủ yếu là do bố mẹ chị T không cho chị T quay lại chung sống với anh S dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh S không nhất trí yêu cầu ly hôn của chị T mà mong muốn đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai anh, chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sòng Thị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị thỏa thuận giao các cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022 cho anh Giàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A S chưa yêu cầu chị Sòng Thị T cấp dưỡng. Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải ngày 05/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó HĐXX cần ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị T và anh S thỏa thuận tự phân chia, thanh toán chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Sòng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn do đó căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sòng Thị T.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sòng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sòng Thị T được ly hôn anh Giàng A S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Giao các cháu Giàng A Q, sinh ngày 17/12/2016; Giàng A T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Giàng Thị L, sinh ngày 18/9/2022 cho anh Giàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A S chưa yêu cầu chị Sông Thị T cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sông Thị T.

5. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã K, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ứng Văn Cường